

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HS-PT

Ngày: 09/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Nguyễn Ái Doan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 328/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh Đồng Tháp đối với bị cáo:

Các bị cáo có kháng cáo:

- Bị cáo: Huỳnh Quốc N, sinh ngày 01/01/1981; Tại: tỉnh Đồng Tháp;
Giới tính: Nam; Tên gọi khác: N;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
Nay là: xã M, tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: ấp 2, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
Nay là: xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12;
Con ông: Huỳnh Văn B và bà: Võ Thị X;
Bị cáo có vợ Trần Thị Mỹ L và có 2 người con
Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Không;
Bắt tạm giam: 03/12/2024;
Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 - Công an tỉnh Đ;
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.
- Bị cáo: Phạm Văn Tuấn A, sinh ngày 18/9/1983; Tại: tỉnh Đồng Tháp;
Giới tính: Nam; Tên gọi khác: T;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ D, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: xã M tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: tổ 41, ấp 1, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
Nay là: xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 07/12;
Con ông: Phạm Văn C và bà Võ Thị T1;
Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thùy A1 và có 2 người con
Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Không;
Bắt tạm giam: 15/12/2024;
Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đ;
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 01/01/1972; Tại: tỉnh Đồng Tháp;
Giới tính: Nam; Tên gọi khác: T;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ C, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nay là: xã M, tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: tổ 34, ấp 1, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
Nay là: xã Mỹ H, tỉnh Đồng Tháp;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12;
Con ông Huỳnh Văn B và bà Võ Thị X1;
Bị cáo có vợ Huỳnh Thị Cẩm H (Ly hôn) và có 4 người con;
Tiền sự: Không; Tiền án: Không;
Tạm giữ, Tạm giam: Không;
Bị cáo được tại ngoại;
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Lê Thị S, sinh năm 1976 (có mặt);
Địa chỉ: ấp 3, xã Tân M, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;
Nay là: xã Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

*. *Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại nhưng không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Huỳnh Quốc N (Nam chứng), Phạm Văn Tuấn A (Tèo râu), Huỳnh Ngọc T (T mập) thường xuyên giao tiếp với nhau trong sinh hoạt hằng ngày. Vào đầu năm 2023, N biết được T có cháu vợ tên N1 đang trốn truy nã về tội mua bán trái phép chất ma túy. Lúc này, N cần tiền trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn N nói với Tuấn A kêu Tuấn A điện thoại cho T nói cho T biết là có người chạy án cho N1 không bị xử phạt tù với số tiền 250.000.000 đồng, biết N nói dối nên không đồng ý, nhưng do N năn nỉ nhiều lần và thấy N đang cần tiền nên T3 A đồng ý;

Tuấn A điện thoại cho T nói là có người chạy án cho N1 không bị xử phạt tù với số tiền 250.000.000 đồng. Lúc này, N1 đang ngồi chung xe với T nên T nói cho N1 biết, N1 điện thoại nói lại cho bà Lê Thị S là mẹ ruột của N1 biết thì bà S đồng ý. Sau đó, bà S trực tiếp đến gặp T bàn chuyện thì T nói là Tuấn A sẽ lo chạy án cho N1 với giá 250.000.000 đồng;

Đến ngày 19/01/2023, bà S điện thoại cho T, T điện thoại cho Tuấn A hẹn gặp tại quán cà phê 143 ở M, huyện C nay là xã M tỉnh Đồng Tháp. Tại đây, bà S trao đổi với T và Tuấn A. Tuấn A nói sẽ chạy án cho N1 không bị ở tù với số tiền 250.000.000 đồng, đưa trước 200.000.000 đồng, khi nào xong sẽ đưa 50.000.000 đồng còn lại. Bà S đồng ý và đưa trước cho T số tiền 100.000.000 đồng, T đưa lại cho T3 An 100.000.000 đồng, nhận tiền xong Tuấn A đưa hết cho N.

Đến ngày 04/02/2023, N, T, Tuấn A đang ở nhà của Đặng Hữu B1 (B1 tù) ngụ ấp A, xã M, huyện C thì N tiếp tục kêu Tuấn A và T điện thoại cho bà S đưa tiền nên bà S hẹn T và Tuấn A tại quán C1. Tại đây, bà S đưa thêm số tiền 100.000.000 đồng cho T và Tuấn A, sau khi bà S ra về thì N đến, Tuấn A đưa hết số tiền 100.000.000 đồng cho N. Số tiền 200.000.000 đồng N dùng để trả nợ vay hết (cả hai lần đưa tiền điều có viết biên nhận thể hiện nội dung “làm cho con bà S ra tù” bên nhận là Tèo R, bên giao là bà S, người chứng kiến là T);

Đến khoảng tháng 3/2023 (ngày không nhớ), T tự đặc chuyện điện thoại cho bà S yêu cầu bà S đưa số tiền 50.000.000 đồng còn lại để đưa cho Tuấn A (lần này Tuấn A và N không kêu T điện bà S), bà S đã chuyển khoản cho T số tiền 50.000.000 đồng, T lấy tiền tiêu xài cá nhân hết;

Đến ngày 08/6/2023, N1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 19 năm tù biết mình bị lừa nên bà S nhiều lần yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền trên nhưng các bị cáo không trả. Đến ngày 21/02/2024, bà S làm đơn tố cáo T, Tuấn A và N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý theo pháp luật. Sau khi bà S tố giác bị cáo T đã trả lại cho bà S 50.000.000 đồng, bị cáo N trả lại cho bà S số tiền 183.000.000 đồng, còn 17.000.000 đồng bà S tiếp tục yêu cầu N phải trả;

Tài liệu vật chứng được thu giữ: 01 Biên nhận ghi ngày 19/01/2023 trên giấy tập có chữ viết, chữ số bằng bút mực màu xanh, nội dung Phạm Văn T2 có nhận 100.000.000đ của chị Lê Thị S có các chữ ký bên nhận Phạm Văn T2, bên đưa Lê Thị S và làm chứng Huỳnh Ngọc T;

01 Biên nhận ghi ngày 04/02/2023 có nội dung Phạm Văn T2 có nhận 100.000.000đ của chị Lê Thị S để làm cho con bà S ra tù, có các chữ ký bên nhận Phạm Văn T2, bên đưa Lê Thị S và làm chứng Huỳnh Ngọc T;

01 giấy tập ghi ngày 10/10 âm lịch có nội dung anh 5 có lãnh nợ 250.000 hai trăm rưỡi chục triệu, đúng 02 tháng trả không hẹn nữa, có các chữ ký của Huỳnh Ngọc T.

Kết luận giám định số 559/KL-KTHS ngày 06/5/2024 của phòng K Công an tỉnh Đồng Tháp đã giám định mẫu chữ viết, chữ ký trên các tài liệu được thu

giữ kết luận như sau:

Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Văn T2” dưới mục “Bên nhận” và chữ ký tên “Sự” dưới mục “Bên đưa tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1; chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Văn T2” dưới mục “Bên nhận” và chữ ký, chữ viết họ tên “Lê Thị S” dưới mục “Bên đưa” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2) và chữ ký, chữ viết họ tên “Huỳnh Ngọc T” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Ngọc T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Văn T2” dưới mục “Bên nhận” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Văn Tuấn A trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M5 đến M8 là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký tên “Sự” dưới mục “Bên đưa tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1; chữ ký, chữ viết họ tên “Lê Thị S” dưới mục “Bên đưa” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2 và chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (trừ chữ viết họ tên Huỳnh Ngọc T) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị S trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M13 đến M16 là do cùng một người ký, viết ra.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/12/2024.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 17, 38, 54, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tuấn A 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2024.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/10/2025, các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và bị cáo đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đưa ra nhiều luận cứ phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T là phù hợp; Tuy nhiên, bị cáo Huỳnh Quốc N, bị cáo Huỳnh Ngọc T có nhiều tình tiết giảm nhẹ như gia đình có công cách mạng, bị cáo đã khắc phục hậu quả, tại tòa người bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, bị cáo T nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo N 06 tháng, bị cáo T từ 03 tháng đến 04 tháng, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo N, bị cáo T; Đối với bị cáo Phạm Văn Tuấn A không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo A; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét thời hạn kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 09/10/2025 của các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T thì các bị cáo kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T về việc xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về ý thức chủ quan, các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T biết rằng hành vi cố ý đưa ra những thông tin không đúng sự thật để người bị hại tin tưởng các bị cáo, giao tài sản cho các bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại là hành vi vi phạm pháp luật;

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2023, bị cáo Huỳnh Quốc N (N) nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền trả nợ. Biết cháu vợ của bị cáo Huỳnh Ngọc T (T) là N1 đang trốn truy nã về tội ma túy, N đã cùng với bị cáo Phạm Văn Tuấn A (T) và T đưa ra những thông tin không có thật là N kêu Tuấn A nói với T rằng có người "chạy án" giúp N1 không bị đi tù với giá 250.000.000 đồng;

T và Tuấn A đã gặp bà Lê Thị S, đưa ra thông tin gian dối trên và bà S đã tin tưởng nên đồng ý đã đưa cho T và Tuấn A 02 lần tiền, mỗi lần 100.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng, tại quán C1 thuộc xã M, huyện C nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp và chuyển khoản riêng cho T số tiền 50.000.000 đồng, T

tiêu xài cá nhân;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp;

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm quần chúng nhân dân hoang mang, lo sợ. Các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T với bản tính tham lam, lười lao động nên đã thực hiện hành vi là biết người bị hại có người thân vi phạm pháp luật hình sự nên đưa ra những thông tin không đúng sự thật để người bị hại tin tưởng các bị cáo nên đã giao tài sản là tiền cho các bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại để tiêu xài cá nhân;

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vị trí, vai trò của từng bị cáo khi thực hiện tội phạm là phù hợp như:

Các bị cáo không có sự câu kết, bàn bạc chặt chẽ với nhau và không có sự điều khiển của người nào, nên đây là dạng đồng phạm giản đơn nên đã xác định:

Bị cáo Huỳnh Quốc N là người khởi xướng vụ án, bị cáo N đã đưa ra những thông tin không đúng sự thật và kêu bị cáo Tuấn A liên lạc với bị cáo T và là người trực tiếp nhận số tiền 200.000.000 đồng từ bị cáo Tuấn A để trả nợ cá nhân;

Bị cáo Phạm Văn Tuấn A là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực là người đứng tên trên 02 biên nhận với nội dung “Làm cho con bà S ra tù” và đã trực tiếp gặp bà S nhận 02 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng và đưa toàn bộ số tiền này cho N trả nợ;

Bị cáo Huỳnh Ngọc T là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực để N và Tuấn A chiếm đoạt tiền của bà S 200.000.000 đồng và trực tiếp chiếm đoạt thêm của bà S số tiền 50.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Về tình tiết tăng nặng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo N, Tuấn A không có tình tiết tăng nặng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đối với hai bị cáo này là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “*bị cáo T trước đây đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự*” là không đúng. Bởi vì, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T có nộp bổ sung lý lịch tư pháp là bị cáo T đã được xóa án tích. Do đó, trong giai đoạn điều tra, Cơ quan tiến hành tố tụng không điều tra làm rõ nhân thân đối với bị cáo T là có sự thiếu sót nên việc áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T làm ảnh hưởng đến việc Quyết định hình phạt đến bị cáo

Huỳnh Ngọc T;

Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo N, Tuấn A, T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại xong và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo;

Các bị cáo đều xuất thân thành phần nhân dân lao động, bị cáo N, Tuấn A chưa có tiền sự, tiền án. Hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế nên áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp;

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đã xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo Phạm Văn T3 A 06 năm tù là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn Tuấn A;

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Quốc N, bị cáo Huỳnh Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo N, bị cáo T có cung cấp thêm tình tiết: Gia đình có công với cách mạng và tại phiên tòa người bị hại tiếp tục xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, bị cáo T nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Vì thế Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Tuấn A, cho nên cần giữ y mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Quốc N, bị cáo Huỳnh Ngọc T cho nên cần sửa một phần mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có một phần phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử;

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn Tuấn A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định;

Bị cáo Huỳnh Quốc N, bị cáo Huỳnh Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Những thiếu sót của Quyết định án sơ thẩm: Bản án sơ thẩm nhận định áp dụng khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T, tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án thì áp dụng tất cả cho các bị cáo khác là chưa chính xác nên cần điều chỉnh cho phù hợp.

[6]. Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Tuấn A;
Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Huỳnh Quốc N, bị cáo Huỳnh Ngọc T;

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh Đồng Tháp;

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Quốc N, Phạm Văn Tuấn A, Huỳnh Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

[1.1]. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc N 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 03/12/2024.

[1.2]. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T3 A 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 15/12/2024.

[1.3]. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Văn Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

Bị cáo Huỳnh Quốc N, bị cáo Huỳnh Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND Khu vực 9;
- VKSND Khu vực 9;
- THAHS CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam Số 1 Đồng Tháp
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, AV;

Trương Vĩnh Hữu